

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v Tranh chấp hôn nhân

và gia đình - ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phú Quốc

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí T - Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Tuyết M - Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp Thạnh X, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn - Anh Nguyễn Chí T trình bày:

Anh và chị M tự tìm hiểu và cưới nhau năm 1999, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm trong kinh tế gia đình, không quan T, chăm sóc nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh T yêu cầu xin ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kinh Kh - sinh năm: 2000 và Nguyễn Chí V - sinh ngày: 12/11/2003. Hiện cháu Kh đã trưởng thành, có cuộc

sống riêng, cháu V đang chung sống với anh. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai - bị đơn chị Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Chị M xác định lời trình bày của anh T về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Hiện cháu Kh đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Chị M đồng ý giao cháu V cho anh T được tiếp tục nuôi con. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu V có nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt do bận làm ăn xa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với chị M. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Thanh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh T, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn xa. Xét thấy, chị M đã nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, sự vắng mặt của anh chị không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị M bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1999 cho đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh T có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Chí T và chị Phạm Thị Tuyết M là vợ chồng.

Về con chung: Anh T, chị M cùng xác định có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Kinh Kh - sinh năm: 2000 và Nguyễn Chí V - sinh ngày: 12/11/2003. Hiện cháu Kh đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Cháu V đang chung sống với anh T. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con, chị M đồng ý giao cháu V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu V hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V trên 7 tuổi và có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng với anh T. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003351 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Chí T và chị Phạm Thị Tuyết M là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí V - sinh ngày: 12/11/2003 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu

tiền số 0003351 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy An